

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 05/01/2018

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Nam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Huyền Nga**

2. Bà **Dương Thị Thắm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Huyền Thu** - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa:

Ông **Phạm Sỹ Nguyên** - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 546/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 19.... - Có mặt.

Nơi ĐKKH thường trú: Số phố B, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.
Nơi cư trú: Số phố B, phường C, quận H, thành phố Hà Nội

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Đức H**, sinh năm 19.... - Vắng mặt.

Nơi ĐKKH thường trú và nơi cư trú: Số phố B, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn xin ly hôn ngày 26/6/2017, Bản tự khai ngày 27/7/2017, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là chị **Nguyễn Thị H** trình bày:

Chị và anh Phạm Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận H, thành phố Hà Nội ngày Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà của bố mẹ anh H ở số phố B, phường C đến khoảng năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H thường xuyên chơi cờ bạc, lô đề, phải vay nặng lãi. Mỗi lần thua cờ bạc, anh H về gây sự, đánh đập vợ con. Chị nhiều lần trả nợ cho anh H với số tiền lớn, anh H cũng nhiều lần phải đi trốn nợ trong thời gian dài. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị xin được ly hôn anh H để yên tâm làm ăn và nuôi dạy các con.

Về con chung: Chị và anh Phạm Đức H có 03 con chung là cháu Phạm Ngọc H, sinh ngày; cháu Phạm Huyền N, sinh ngày và cháu Phạm Đức H, sinh ngày, cả 03 cháu sức khỏe bình thường. Cháu H đã đủ tuổi trưởng thành, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay xin ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu N và H. Cháu N hiện học lớp Trường THCS T, có đơn ngày 21/10/2017 đề nghị được ở với mẹ. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con do anh H không có việc làm, thu nhập ổn định.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị và anh H không vay nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh **Phạm Đức H** đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập phiên tòa, nhưng anh H không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu của chị H, không đến Tòa án để làm bản tự khai, không gửi tài liệu, chứng cứ, không có yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và thu thập tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án.

Tại Biên bản xác minh ngày 27/9/2017, Công an phường C cung cấp: Anh Phạm Đức H đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại nhà số phố B.

Theo Biên bản xác minh ngày 27/9/2017, Tổ trưởng Tổ dân phố số ..., phường C cung cấp: Khoảng năm 1997, chị H, anh H kết hôn và chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh H ở số phố B. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bình thường. Đến khoảng năm 2014 - 2015, có người đến đòi anh H trả nợ, đã vấy chất bẩn vào cửa hàng. Chị H, anh H thường xuyên cãi vã, nhưng tổ dân phố chưa đến giải quyết lần nào. Sau đó, anh H đi khỏi địa phương và gần đây mới về. Nay chị H có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H trình bày: Tuy chị và anh H sống cùng một nhà, nhưng đã ly thân từ sau khi chị sinh con thứ ba. Từ năm 2011, anh H thường xuyên vay nợ không trả được và phải đi trốn nợ. Từ tháng 12/2015, chị thuê nhà số phố B để 4 mẹ con chị ở và chị bán giày dép. Anh H không có trách nhiệm với gia đình, không đóng góp tiền nuôi con, chị còn phải trả thay anh H nhiều khoản nợ. Tháng 12/2016, chị nộp đơn xin ly hôn, nhưng do anh H đang đi trốn nợ, nên chị rút đơn xin ly hôn và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Từ đầu năm 2017, anh H về ở tại nhà số phố B, chị đã đặt vấn đề ly hôn, nhưng anh H không đồng ý. Nay chị vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh H. Hiện cả 3 con chung của chị và anh H đều đang ở với chị. Cháu H đã trưởng thành, đang học năm thứ hai Trường Đại học B. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu H; thu nhập trung bình của chị được khoảng 30.000.000 đồng/tháng từ việc lái xe taxi và bán giày dép; chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nhà ở chung, vay nợ chung. Chị giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ là hợp đồng thuê cửa hàng, các Ủy nhiệm chi trả tiền thuê cửa hàng và Giấy vay tiền ngày 21/11/2016.

Anh Phạm Đức H vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu của chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành việc triệu tập của Tòa án và không có ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh H. Về con chung: Giao cháu N, cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh H. Về tài sản chung, nhà ở chung, vay nợ chung: Do chị

H không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 27/6/2017, chị Nguyễn Thị H nộp Đơn xin ly hôn đối với anh Phạm Đức H có nơi cư trú tại nhà số... phố B, phường C, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H và bị đơn là anh Phạm Đức H là đúng thẩm quyền. Anh H là bị đơn, không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng anh H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày tại Ủy ban nhân dân phường C, quận H, thành phố Hà Nội, nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H, anh H chung sống tại nhà số ... phố B, phường C. Theo chị H, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2000, do anh H chơi cờ bạc, vay nợ, không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống căng thẳng mệt mỏi. Từ năm 2011, anh chị đã ly thân và anh H thường xuyên phải đi trốn nợ. Theo Hợp đồng thuê cửa hàng và các Ủy nhiệm chi do chị H giao nộp tại phiên tòa, từ tháng 12/2015 đến nay, chị H thuê nhà số phố B để chị cùng các con ở và bán hàng. Xét thấy, chị H, anh H đã không còn chung sống từ cuối năm 2015, không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 là thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, anh H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh H không đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn, không tham gia phiên hòa giải, phiên tòa, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến Tòa án xem xét, thể hiện anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, giải quyết cho chị H được ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Đức H có 03 con chung là

cháu Phạm Ngọc H, sinh ngày; cháu Phạm Huyền N, sinh ngày và cháu Phạm Đức H, sinh ngày Cả ba cháu sức khỏe bình thường và đang ở với chị H. Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con đối với cháu H do cháu đã thành niên, nên Tòa án không xem xét. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, cháu H. Cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ cháu khi bố mẹ cháu ly hôn. Xét thấy, việc giao cháu N, cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi chị H, anh H ly hôn sẽ bảo đảm được quyền lợi về mọi mặt của các cháu, nên căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án giao cháu N, cháu H cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 01/2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu và anh H không có ý kiến, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh H cho đến khi chị H có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản chung, nhà ở chung, vay nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chị Hường là nguyên đơn, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Phạm Đức H. Chị H được ly hôn anh H.

2. Về con chung:

- Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Đức H có 03 con chung là cháu Phạm Ngọc H, sinh ngày; cháu Phạm Huyền N, sinh ngày và cháu Phạm Đức H, sinh ngày

- Cháu Phạm Ngọc H đã thành niên, chị H không yêu cầu giải quyết về việc giao

nuôi con và cấp dưỡng nuôi con đối với cháu H, nên Tòa án không xem xét.

- Giao cháu Phạm Huyền N và cháu Phạm Đức H cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 01/2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Phạm Đức H cho đến khi chị Nguyễn Thị H có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

- Anh Phạm Đức H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung, vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002877 ngày 13/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt chị H, vắng mặt anh H. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- UBND phường C; (CNKH số ...,
Quyển số ..., ngày)
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Hữu Nam